

Số: 2084/TB-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

**V/v đánh giá năng lực ngoại ngữ các ứng viên GS, PGS tại
Hội đồng Giáo sư cơ sở Đại học Thái Nguyên năm 2021**

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư (GS, PGS); thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh GS, PGS;

Căn cứ Văn bản số 85/HĐGSNN ngày 04/11/2021 của Hội đồng Giáo sư nhà nước về việc đánh giá năng lực ngoại ngữ ứng viên, công khai và báo cáo kết quả xét cho ứng viên đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2021;

Căn cứ vào Danh sách ứng viên đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2021 tại Hội đồng Giáo sư cơ sở Đại học Thái Nguyên năm 2021.

Đại học Thái Nguyên thông báo về việc đánh giá năng lực ngoại ngữ của các ứng viên GS, PGS năm 2021 như sau:

1. Đánh giá khả năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ phục vụ công tác chuyên môn được xác định theo một trong các trường hợp được ghi tại Khoản 5, điều 2 Quyết định 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đánh giá khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh dựa theo Khoản 6, Điều 2 Quyết định 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và được cụ thể hóa bởi các tiêu chí sau:

a) Tiêu chí đánh giá: Độ trôi chảy và tính mạch lạc (Fluency & Coherence), Khả năng từ vựng (Lexical Resource), Tính chính xác và đa dạng ngữ pháp (Grammatical Range & Accuracy), Phát âm (Pronunciation). Mỗi tiêu chí được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10 (có bảng tiêu chí chi tiết kèm theo).

b) Cách tính điểm: Mỗi thành viên Hội đồng thẩm định chấm điểm ứng viên theo từng tiêu chí (có mẫu kèm theo). Điểm của ứng viên là trung bình cộng điểm của các tiêu chí đánh giá ghi trong phiếu. Điểm trung bình của ứng viên (điểm cuối cùng) là trung bình cộng điểm của tất cả các thành viên trong Hội đồng thẩm định. Ứng viên được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm cuối cùng của ứng viên đạt 5,0 điểm trở lên (làm tròn đến một chữ số thập phân).

Trên đây là các tiêu chí và cách tính điểm của Hội đồng thẩm định ngoại ngữ ứng viên GS, PGS năm 2021. Thông tin chi tiết xin liên hệ: Ban Đào tạo - Đại học Thái Nguyên. Email: bandaotao.dhtn@moet.edu.vn; Số điện thoại: 0208 3851588./.

Nơi nhận:

- HĐGS Nhà nước (b/c);
- HĐ thẩm định NN;
- Các ứng viên GS, PGS;
- Lưu VT, TCCB, ĐT.



GS.TS. Phạm Hồng Quang

ENGLISH ASSESSMENT BAND DESCRIPTOR

Band	Fluency and Coherence	Lexical resource	Grammatical range and accuracy	Pronunciation
10	<ul style="list-style-type: none"> • speak fluently as native speakers without any repetition and self-correction • speaks coherently with fully appropriate cohesive features as native speakers • develops topics fully and appropriately 	<ul style="list-style-type: none"> • uses vocabulary with full flexibility and precision in all topics as native speakers • uses idiomatic language naturally and accurately as native speakers 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a full range of structures naturally and appropriately as native speakers • produces consistently accurate structures as native speakers 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a full range of pronunciation features with precision and subtlety as native speakers • sustains flexible use of features throughout • is effortless to understand
9	<ul style="list-style-type: none"> • speaks fluently with only rare repetition or self-correction • any hesitation is content-related rather than to find words or grammar • speaks coherently with fully appropriate cohesive features • develops topics fully and appropriately 	<ul style="list-style-type: none"> • uses vocabulary with full flexibility and precision in all topics • uses idiomatic language naturally and accurately 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a full range of structures naturally and appropriately • produces consistently accurate structures apart from 'slips' characteristic of native speaker speech 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a full range of pronunciation features with precision and subtlety • sustains flexible use of features throughout • is effortless to understand
8	<ul style="list-style-type: none"> • speaks fluently with only occasional repetition or self-correction; hesitation is usually content-related and only rarely to search for language • develops topics coherently and appropriately 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a wide vocabulary resource readily and flexibly to convey precise meaning • uses less common and idiomatic vocabulary skillfully, with occasional inaccuracies • uses paraphrase effectively as required 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a wide range of structures flexibly • produces a majority of error-free sentences with only very occasional inappropriacies or basic/non-systematic errors 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a wide range of pronunciation features • sustains flexible use of features, with only occasional lapses • is easy to understand throughout; L1 accent has minimal effect on intelligibility
7	<ul style="list-style-type: none"> • speaks at length without noticeable effort or loss of coherence • may demonstrate language-related hesitation at times, or some repetition and/or self-correction • uses a range of connectives and discourse markers with some flexibility 	<ul style="list-style-type: none"> • uses vocabulary resource flexibly to discuss a variety of topics • uses some less common and idiomatic vocabulary and shows some awareness of style and collocation, with some inappropriate choices • uses paraphrase effectively 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a range of complex structures with some flexibility • frequently produces error-free sentences, though some grammatical mistakes persist 	<ul style="list-style-type: none"> • shows all the positive features of Band 6 and some, but not all, of the positive features of Band 8

6	<ul style="list-style-type: none"> • is willing to speak at length, though may lose coherence at times due to occasional repetition, self-correction or hesitation • uses a range of connectives and discourse markers but not always appropriately 	<ul style="list-style-type: none"> • has a wide enough vocabulary to discuss topics at length and make meaning clear in spite of inappropriacies • generally paraphrases successfully 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a mix of simple and complex structures, but with limited flexibility • may make frequent mistakes with complex structures though these rarely cause comprehension problems 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a range of pronunciation features with mixed control • shows some effective use of features but this is not sustained • can generally be understood throughout, though mispronunciation of individual words or sounds reduces clarity at times
5	<ul style="list-style-type: none"> • usually maintains flow of speech but uses repetition, self correction and/or slow speech to keep going • may over-use certain connectives and discourse markers • produces simple speech fluently, but more complex communication causes fluency problems 	<ul style="list-style-type: none"> • manages to talk about familiar and unfamiliar topics but uses vocabulary with limited flexibility • attempts to use paraphrase but with mixed success 	<ul style="list-style-type: none"> • produces basic sentence forms with reasonable accuracy • uses a limited range of more complex structures, but these usually contain errors and may cause some comprehension problems 	<ul style="list-style-type: none"> • shows all the positive features of Band 4 and some, but not all, of the positive features of Band 6
4	<ul style="list-style-type: none"> • cannot respond without noticeable pauses and may speak slowly, with frequent repetition and self-correction • links basic sentences but with repetitious use of simple connectives and some breakdowns in coherence 	<ul style="list-style-type: none"> • is able to talk about familiar topics but can only convey basic meaning on unfamiliar topics and makes frequent errors in word choice • rarely attempts paraphrase 	<ul style="list-style-type: none"> • produces basic sentence forms and some correct simple sentences but subordinate structures are rare • errors are frequent and may lead to misunderstanding 	<ul style="list-style-type: none"> • uses a limited range of pronunciation features • attempts to control features but lapses are frequent • mispronunciations are frequent and cause some difficulty for the listener
3	<ul style="list-style-type: none"> • speaks with long pauses • has limited ability to link simple sentences • gives only simple responses and is frequently unable to convey basic message 	<ul style="list-style-type: none"> • uses simple vocabulary to convey personal information • has insufficient vocabulary for less familiar topics 	<ul style="list-style-type: none"> • attempts basic sentence forms but with limited success, or relies on apparently memorized utterances • makes numerous errors except in memorized expressions 	<ul style="list-style-type: none"> • shows some of the features of Band 2 and some, but not all, of the positive features of Band 4
2	<ul style="list-style-type: none"> • pauses lengthily before most words • little communication possible 	<ul style="list-style-type: none"> • only produces isolated words or memorized utterances 	<ul style="list-style-type: none"> • cannot produce basic sentence forms 	<ul style="list-style-type: none"> • Speech is often unintelligible
1	<ul style="list-style-type: none"> • no communication possible • no ratable language 			
0	does not attend			



THANG CHẤM CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN VÀ KHẢ NĂNG GIAO TIẾP

Điểm	Độ trôi chảy và tính mạch lạc	Khả năng từ vựng	Tính chính xác và đa dạng ngữ pháp	Phát âm
10	+ Nói trôi chảy như người bản ngữ, hoàn toàn không bị lặp từ, sửa từ. + Bố cục bài nói chắc chắn và trọn vẹn. + Phát triển đầy đủ ý và hợp lý.	+ Khả năng từ vựng linh hoạt và chính xác trên các chủ đề như người bản ngữ. + Sử dụng thành ngữ chính xác và tự nhiên như người bản ngữ.	+ Sử dụng đa dạng các cấu trúc tự nhiên và phù hợp như người bản ngữ. + Sử dụng cấu trúc hoàn toàn chính xác như người bản ngữ.	+ Sử dụng các tiêu chí phát âm chính xác và khéo léo như người bản ngữ. + Sử dụng linh hoạt các tiêu chí. + Rất dễ hiểu.
9	+ Nói trôi chảy, gần như không bị lặp từ, sửa từ hoặc ngập ngừng để tìm ý. + Bố cục bài nói chắc chắn và trọn vẹn. + Phát triển đầy đủ ý và hợp lý.	+ Khả năng từ vựng linh hoạt và chính xác trên các chủ đề. + Sử dụng thành ngữ chính xác và tự nhiên.	+ Sử dụng đa dạng các cấu trúc tự nhiên và phù hợp. + Sử dụng cấu trúc hoàn toàn chính xác, ngoại trừ các lỗi đặc trưng mà bài nói của người bản xứ cũng mắc phải.	+ Sử dụng các tiêu chí phát âm chính xác và khéo léo. + Sử dụng linh hoạt các tiêu chí, rất dễ hiểu. + Rất dễ hiểu.
8	+ Nói trôi chảy, hiếm khi bị lặp từ hoặc tự sửa lỗi, hiếm khi phải tạm dừng để tìm ý. + Bài nói có bố cục hợp lý và trọn vẹn	+ Vốn từ rộng và có khả năng diễn đạt chính xác ý tứ. + Biết sử dụng thành ngữ và từ ít gặp một cách thành thạo, hiếm khi bị sai. + Sử dụng diễn giải đồng nghĩa hiệu quả theo yêu cầu.	+ Sử dụng nhiều cấu trúc câu phức tạp. + Đa số câu nói đều không có lỗi ngữ pháp không phù hợp hoặc lỗi không hệ thống/ cơ bản.	+ Sử dụng đa dạng các tiêu chí phát âm. + Giữ vững các tiêu chí và sử dụng linh hoạt, hiếm gặp lỗi. + Bài nói dễ hiểu và không bị tiếng mẹ đẻ ảnh hưởng đến giọng điệu.
7	+ Nói liền mạch mà không cần cố gắng quá sức hoặc thiếu mạch lạc. + Đôi khi còn ngập ngừng khi thiếu ý từ hoặc lặp từ hoặc tự sửa lỗi. + Sử dụng linh hoạt liên từ kết nối câu.	+ Đủ vốn từ để nói về nhiều chủ đề khác nhau. + Sử dụng được một số thành ngữ hoặc từ ít gặp, hiểu văn phong và cụm từ phù hợp dù còn mắc lỗi. + Diễn giải đồng nghĩa khá tốt.	+ Sử dụng linh hoạt một vài cấu trúc phức tạp. + Đa số câu không bị mắc lỗi dù vẫn có ít lỗi ngữ pháp.	+ Có tất cả các ưu điểm của thang điểm 6, nhưng chưa đủ ưu điểm của thang điểm 8.
6	+ Có cố gắng kéo dài bài nói, thỉnh thoảng thiếu tính mạch lạc do lặp từ, tự sửa lỗi hoặc ngập ngừng.	+ Khả năng từ vựng đủ rộng để thảo luận các chủ đề và truyền đạt được đúng ý nghĩa cần nói dù còn sai sót.	+ Sử dụng hỗn hợp cấu trúc đơn giản lẫn phức tạp nhưng còn mắc lỗi nhiều.	+ Thể hiện được các tiêu chí phát âm nhưng còn sai sót.

	+ Có sử dụng nhiều liên từ kết nối nhưng chưa phù hợp.	+ Nhìn chung biết diễn giải đồng nghĩa.	+ Thường xuyên mắc lỗi với cấu trúc phức tạp nhưng không gây khó hiểu cho người nghe.	+ Sử dụng hiệu quả một vài tiêu chí nhưng không duy trì lâu. + Nhìn chung dễ hiểu nhưng mắc lỗi phát âm về từ đơn hoặc đơn âm thanh thoảng gây khó hiểu.
5	+ Nhìn chung là mạch lạc nhưng hay tự lặp từ, sửa lỗi hoặc nói chậm để duy trì nhịp độ. + Có thể bị lặp đi lặp lại các liên từ và thán từ. + Có thể sử dụng thành thạo câu đơn nhưng chưa trôi chảy trong cấu trúc phức tạp.	+ Có thể nói các chủ đề thường gặp hoặc ít gặp nhưng vốn từ bị giới hạn. + Có cố gắng sử dụng diễn giải đồng nghĩa nhưng chưa thành công.	+ Nói được chính xác các câu đơn giản. + Hạn chế trong việc sử dụng các cấu trúc phức tạp, thường mắc nhiều lỗi và gây khó hiểu cho người nghe.	+ Có tất cả các ưu điểm của thang điểm 4 nhưng chưa đủ ưu điểm của thang điểm 6.
4	+ Không thể trả lời trôi chảy, thường xuyên ngập ngừng và nói chậm để giữ nhịp nói, thường xuyên lặp từ hoặc tự sửa lỗi. + Biết nói các câu đơn thành đoạn văn, nhưng liên từ được sử dụng một cách đơn điệu, bài nói khó hiểu.	+ Có khả năng nói về các chủ đề quen thuộc, nhưng chỉ đưa ra từ ngữ đơn giản khi gặp chủ đề lạ, hay chọn sai từ. + Gần như không sử dụng diễn giải đồng nghĩa.	+ Có khả năng nói được câu đơn và cấu trúc ngữ pháp đơn giản nhưng hiếm khi sử dụng được câu ghép. + Thường xuyên mắc lỗi dẫn tới khó hiểu cho người nghe.	+ Chỉ thể hiện được rất ít tiêu chí phát âm. + Thường xuyên phát âm sai làm cho người nghe rất khó nắm bắt.
3	+ Nói ngừng rất lâu, hạn chế trong việc kết nối câu đơn. + Chỉ đưa ra câu trả lời đơn giản và không thể đưa ra được các thông điệp đơn giản.	+ Sử dụng từ vựng đơn giản để đưa ra các thông tin. + Có rất ít từ vựng cho các chủ đề quen thuộc.	+ Có cố gắng trong việc sử dụng câu đơn nhưng ít thành công hoặc trả lời theo khả năng ghi nhớ. + Mắc rất nhiều lỗi, ngoại trừ việc ghi nhớ thuộc lòng.	+ Có tất cả các ưu điểm của thang điểm 2 nhưng chưa đủ ưu điểm của thang điểm 4.
2	+ Ngập ngừng trước hầu hết các câu nói. + Rất hạn chế trong giao tiếp	+ Chỉ sử dụng được từ đơn hoặc ghi nhớ thuộc lòng.	+ Không thể dùng câu đơn ghép thành đoạn.	+ Bài nói khó nắm bắt.
1	+ Không thể giao tiếp được. + Không đánh giá được khả năng ngôn ngữ.			
0	Không dự thi			

